ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 846/TB-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO
XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH TRONG NƯỚC NĂM 2022- ĐỢT 2

(Địa chỉ website: **https://sdh.hcmus.edu.vn/**)

1. DANH MỤC CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: (*phụ lục 1*)

2. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN:

Người dự xét tuyển nghiên cứu sinh (dưới đây gọi là người dự tuyển) cần thỏa các điều kiện sau:

2.1. Điều kiện văn bằng: thỏa 1 trong các điều kiện văn bằng sau:

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ (*phụ lục 2*);

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (thang điểm 10) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ (*phụ lục 2*);

- Người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành gần, ngành khác tương thích với ngành dự tuyển phải học bổ sung kiến thức. Trường hợp này người dự tuyển được xét môn học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển (*phụ lục 3*);

- Người tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (thang điểm 10) ngành gần, ngành khác tương thích với ngành dự tuyển phải học bổ sung kiến thức. Trường hợp này người dự tuyển được xét môn học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển (*phụ lục 3*);

- Người tốt nghiệp thạc sĩ chương trình ứng dụng theo phương thức không yêu cầu luận văn phải học bổ sung kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học và các môn học bổ sung kiến thức khác theo yêu cầu của ngành đào tạo trước khi học chương trình tiến sĩ. Trường hợp này người dự tuyển được xét môn học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển;

Ghi chú: Người có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải có bảng công chứng tiếng Việt văn bằng tốt nghiệp, bảng điểm tiếng Việt kèm văn bản xác minh của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT về văn bằng tốt nghiệp nước ngoài khi nộp hồ sơ dự thi.

2.2. Năng lực nghiên cứu

- Ứng viên tốt nghiệp thạc sĩ chương trình đào tạo nghiên cứu hoặc chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (*minh chứng bằng bảng điểm thạc sĩ có ghi phương thức đào tạo*);

- Hoặc có tối thiểu 01 bài báo, báo cáo khoa học đã công bố (*minh chứng bằng bản sao bài báo, báo cáo khoa học đã công bố*);

- Hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các CSĐT, tổ chức khoa học và công nghệ (minh chứng bằng giấy xác nhận thâm niên công tác của cơ quan).

2.3. Giảng viên hướng dẫn (GVHD): *phụ lục 4*

- Mỗi Ứng viên có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó có ít nhất 01 người hướng dẫn là giảng viên cơ hữu của trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM.

- Người hướng dẫn phải có tên trong danh sách tại *phụ lục 4*. Trường hợp GVHD chưa có tên tại *phụ lục 4*, Ứng viên hoặc GVHD liên hệ bộ môn phụ trách ngành để cập nhật thông tin người hướng dẫn.

2.4. Về trình độ ngoại ngữ: Ứng viên đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ đầu vào như quy định tại *phụ lục 5* thông báo này. (*trình độ ngoại ngữ đầu ra áp dụng theo quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành năm 2022*).

2.5. Bài luận về hướng nghiên cứu: (***báo cáo phỏng vấn***)

- Bài luận được viết và báo cáo bằng tiếng Việt và theo hướng dẫn tại *phụ lục 6a, 6b* .

- Ứng viên có nguyện vọng đăng ký viết luận án tiến sĩ bằng tiếng Anh thì nộp phiếu đăng ký tại Phòng ĐT Sau đại học chậm nhất là trước khi báo cáo tiểu luận tổng quan và phải được Nhà trường chấp thuận.

2.6. Thư giới thiệu: Có hai thư giới thiệu của hai giảng viên hoặc nghiên cứu viên (chỉ được tối đa 1 thư từ GVHD) có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học hoặc học vị tiến sĩ đang công tác tại các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, các Viện có cùng ngành với người dự tuyển.

2.7. Thâm niên công tác: không bắt buộc.

2.8. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

2.9. Có đủ sức khỏe để học tập.

2.10. Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời hạn qui định.

3. TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN:

3.1. Trình độ ngoại ngữ: Người dự tuyển đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đầu vào như quy định tại *phụ lục 5* thông báo này.

3.2. Phỏng vấn xét tuyển:

- Tiểu ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp để đánh giá trình độ chuyên môn, khả năng tự nghiên cứu, học lực ở bậc đại học, thạc sĩ, …. xét duyệt hướng nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ.

- Điểm trung bình chung của tất cả thành viên Tiểu ban chuyên môn phải đạt từ 7.0 trở lên.

3.3. Năng lực nghiên cứu: đạt yêu cầu về năng lực nghiên cứu như qui định tại mục 2.2 thông báo này

3.4. Đánh giá của Hội đồng tuyển sinh:

Hội đồng tuyển sinh Sau đại học sẽ phê duyệt danh sách ứng viên trúng tuyển căn cứ theo kết quả đánh giá của tiểu ban chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, năng lực nghiên cứu và chỉ tiêu xét tuyển năm 2022.

4. HỒ SƠ DỰ TUYỂN:

Ứng viên liên hệ đăng ký hồ sơ dự thi tại Phòng ĐT Sau đại học, Trường ĐH KH Tự nhiên từ ngày thông báo đến ngày 30/09/2022, ngoài ra **ứng viên cần chuẩn bị thêm các hồ sơ sau**:

- 01 bản sao bằng TNĐH (có thị thực sao y, còn trong thời hạn 12 tháng)
- 01 bản sao bảng điểm TNĐH (có thị thực sao y, còn trong thời hạn 12 tháng)
- 01 bản sao bằng TN thạc sĩ (có thị thực sao y, còn trong thời hạn 12 tháng)
- 01 bản sao bảng điểm TN thạc sĩ (có thị thực sao y, còn trong thời hạn 12 tháng)
- 02 tấm ảnh 3*4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh sau ảnh)

- 01 bản sao văn bằng ngoại ngữ (có sao y, còn trong thời hạn 12 tháng) hoặc 01 bản sao chứng chỉ ngoại ngữ (không sao y)
- 01 Sơ yếu lý lịch bản thân (*mẫu 1* hoặc mẫu sơ yếu lý lịch xin việc làm)
- 01 Giấy khám sức khỏe (tại phòng khám đa khoa quận, huyện còn thời hạn 12 tháng)

5. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ DỰ TUYỂN:

- Ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển (có thể nhờ người thân nộp thay) tại Phòng ĐT Sau đại học, trường ĐH Khoa học Tự nhiên từ ngày thông báo đến **16g00, ngày 30/09/2022**
- Nhà trường chỉ nhận các hồ sơ đầy đủ, đúng qui định và đúng thời hạn.
- Đối với ứng viên chưa có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học thì nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp thay văn bằng tốt nghiệp khi nộp hồ sơ dự tuyển. Trường hợp này ứng viên phải nộp bổ sung bản sao hợp lệ văn bằng tốt nghiệp trước ngày 30/11/2022, sau thời hạn này các ứng viên không nộp bản sao bằng tốt nghiệp sẽ bị hủy kết quả xét tuyển.

6. LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ LỆ PHÍ XÉT TUYỂN (nộp cùng với nộp hồ sơ dự thi):

- Lệ phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/ người dự tuyển
- Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/ người dự tuyển

7. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM PHỎNG VẤN XÉT TUYỂN:

7.1. Thời gian phỏng vấn xét tuyển

- 1 buổi trong thời gian từ ngày 05/11/2022 – 12/11/2022
- Lịch cụ thể từng ngành sẽ thông báo sau ngày 14/10/2022 tại website: https://sdh.hcmus.edu.vn/

7.2. Điểm điểm phỏng vấn: Trường Đại học KH Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, P4, Q5, HCM

8. KẾT QUẢ XÉT TUYỂN: dự kiến công bố sau ngày 28/11/2022 tại website: https://sdh.hcmus.edu.vn

9. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ: *Phụ lục 7.*

10. HỌC PHÍ: Dự kiến mức thu học phí toàn khóa học (3 năm) chính quy theo khối ngành như sau

Stt	Khối ngành	Các ngành đào tạo	Mức thu
1	**IV**	- Vật lý lý thuyết và vật lý toán; Quang học; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Vật lý chất rắn; Vật lý địa cầu - Vật lý vô tuyến và điện tử. - Hóa hữu cơ; Hóa phân tích; Hóa lý thuyết và hóa lý. - Sinh lý thực vật; Sinh lý học người và động vật; Hóa sinh học; Di truyền học; Vi sinh vật học; Sinh thái học; Công nghệ sinh học. - Địa chất học - Môi trường đất và nước.	**161.200.000**
2	**V**	- Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo - Đại số và lý thuyết số; Toán giải tích; Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Toán ứng dụng; Cơ sở toán cho tin học. - Vật lý kỹ thuật.	**173.900.000**
3	**VII**	Quản lý tài nguyên và môi trường.	**154.875.000**

11. CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ TIẾN SĨ:

Người dự tuyển chưa đáp ứng được các qui định về điều kiện dự tuyển có thể nộp hồ sơ đăng ký học dự bị tiến sĩ. Các môn học và bài báo khoa học trong thời gian dự bị tiến sĩ sẽ được bảo lưu tối đa 24 tháng.

Chương trình học dự bị tiến sĩ vui lòng xem chi tiết tại website: https://sdh.hcmus.edu.vn/

Nơi nhận:
- Các Sở, Trường ĐH, CĐ, …
- Website: https://sdh.hcmus.edu.vn
- ĐHQG -HCM (để báo cáo)
- Lưu VT, SĐH

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Trần Lê Quan

Phụ lục 1. Danh mục ngành tuyển sinh và chỉ tiêu

DANH MỤC NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2022 – ĐỢT 2

Stt	Mã số	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu (dự kiến)
1.	9480101	Khoa học máy tính	4
2.	9480104	Hệ thống thông tin	2
3.	9040107	Trí tuệ nhân tạo	4
4.	9460102	Toán giải tích	3
5.	9460104	Đại số và lí thuyết số	5
6.	9460106	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	3
7.	9460112	Toán ứng dụng	7
8.	9460110	Cơ sở toán cho tin học	3
9.	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2
10.	9440110	Quang học	3
11.	9440111	Vật lý địa cầu	1
12.	9440106	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	3
13.	9440104	Vật lý chất rắn	1
14.	9520401	Vật lý kỹ thuật	4
15.	9440105	Vật lý vô tuyến và điện tử	3
16.	9440114	Hóa hữu cơ	7
17.	9440118	Hóa phân tích	Không tuyển
18.	9440119	Hóa lý thuyết và hoá lý	7
19.	9420116	Hóa sinh học	4
20.	9420112	Sinh lý học thực vật	5
21.	9420104	Sinh lý học người và động vật	4
22.	9420107	Vi sinh vật học	3
23.	9420120	Sinh thái học	4
24.	9420121	Di truyền học	2
25.	9420201	Công nghệ sinh học	5
26.	9440201	Địa chất học	2
27.	9440303	Môi trường đất và nước	3
28.	9850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	2

Phụ lục 2. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Stt	Ngành dự thi tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ
1.	Khoa học máy tính	Tin học; Công nghệ thông tin; Sư phạm Tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính;	Tin học; Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin; Khoa học máy tính.
2.	Hệ thống thông tin	Tin học; Công nghệ thông tin; Sư phạm Tin; Tin học quản lý; Hệ thống thông tin quản lý; Hệ thống thông tin kinh tế, Công nghệ kỹ thuật máy tính	Tin học; Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin; Khoa học máy tính.
3.	Trí tuệ nhân tạo	Tin học; Công nghệ thông tin; Sư phạm Tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính;	Hệ thống thông tin; Khoa học máy tính.
4.	Đại số và lý thuyết số	Toán học; Toán tin; Sư phạm Toán	Đại số và lý thuyết số
5.	Toán giải tích	Toán học; Toán tin; Toán ứng dụng, Thống kê; Sư phạm Toán;	Toán giải tích
6.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Toán; Toán tin; Toán ứng dụng, Thống kê; Sư phạm Toán;	Lý thuyết xác suất và TK toán học; Thống kê
7.	Cơ sở toán cho tin học	Toán; Sư phạm Toán; Toán – Tin, Tin học, Sư phạm Tin, CNTT, Tin học quản lý, Toán ứng dụng	Cơ sở toán cho tin học; Tin học; Khoa học máy tính; Toán ứng dụng
8.	Toán ứng dụng	Toán học; Toán tin; Toán ứng dụng; Toán cơ; Thống kê; Sư phạm Toán;	Toán ứng dụng; Toán giải tích; Lý thuyết xác suất và TK toán học
9.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý, Sư phạm Lý	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
10.	Quang học	Vật lý; Khoa học Vật liệu, Sư phạm Lý; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điện tử-viễn thông; Hóa học (chuyên ngành Hóa lý)	Quang học; Vật lý vô tuyến và điện tử; Vật lý ứng dụng; Khoa học vật liệu; Vật lý kỹ thuật
11.	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Vật lý, Sư phạm Lý, Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân; Vật lý Kỹ thuật	Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Vật lý Kỹ thuật
12.	Vật lý địa cầu	Vật lý, Sư phạm Lý, Hải dương học; Khí tượng khí hậu học	Vật lý địa cầu
13.	Vật lý chất rắn	Vật lý, Sư phạm Lý	Quang học; Khoa học vật liệu; Vật lý vô tuyến và điện tử
14.	Vật lý kỹ thuật	Vật lý, Sư phạm Lý, Điện – Điện tử; Điện tử viễn thông; Khoa học vật liệu; Công nghệ thông tin; Toán-Tin;	Vật lý kỹ thuật; Vật lý vô tuyến và điện tử; Vật lý chất rắn; Vật lý lý thuyết và vật lý toán; Quang

Stt	Ngành dự thi tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ
			học; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Vật lý địa cầu; Khoa học vật liệu; Kỹ thuật điện tử; Điện - điện tử; Công nghệ bán dẫn; Kỹ thuật hạt nhân; Vật lý y khoa; Khoa học Máy tính; Kỹ thuật Máy tính; Kỹ thuật y sinh
15.	Vật lý vô tuyến và điện tử	Điện tử-Viễn thông; Điện-Điện tử; Vật lý điện tử; Vật lý Tin học; Kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật điện tử; Điện tử- Viễn thông; Điện-Điện tử; Vật lý điện tử; Vật lý Tin học; Vi điện tử và thiết kế vi mạch
16.	Hóa hữu cơ	Hóa học; Công nghệ hóa học; Công nghệ thực phẩm; Sư phạm Hóa; Kỹ thuật hóa học; Hóa dược; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Khoa học ứng dụng	Hóa hữu cơ; Hóa học; Công nghệ hóa học; Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật hóa học; Hóa dược; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích
17.	Hóa lý thuyết và hóa lý	Hóa học; Công nghệ hóa; Khoa học Vật liệu; Sư phạm Hóa; Công nghệ Thực phẩm	Hóa lý thuyết và hóa lý; Hóa học; Công nghệ hóa; Khoa học vật liệu; Công nghệ thực phẩm
18.	Hóa phân tích	Hóa học; Công nghệ Thực phẩm, Công nghệ Hóa; Sư phạm Hóa	Hóa phân tích; Hóa học; Công nghệ thực phẩm, Công nghệ hóa học
19.	Sinh lý học Thực vật	Sinh học; Sinh-môi trường; Công nghệ sinh học, Sư phạm Sinh; Nông học; Khoa học cây trồng	Sinh lý thực vật; Sinh học; Công nghệ sinh học; Nông học; Khoa học cây trồng
20.	Sinh lý học người và động vật	Sinh học; Sinh-môi trường; Công nghệ sinh học, Sư phạm Sinh	Sinh lý động vật; Sinh học; Công nghệ sinh học; Di truyền
21.	Hóa sinh hoc	Sinh học; Sinh-môi trường; Công nghệ sinh học, Sư phạm Sinh	Hóa sinh học; Sinh học; Công nghệ sinh học.
22.	Sinh thái học	Sinh học; Sinh-môi trường; Công nghệ sinh học, Sư phạm Sinh; Khoa học sự sống; QL nguồn lợi thủy sản; QL Môi trường; Thiết kế cảnh quan	Sinh thái học; Sinh học; Công nghệ sinh học, Khoa học sự sống; Quản lý tài nguyên và Môi trường; Thiết kế cảnh quan; Thực vật học
23.	Vi sinh vật học	Sinh học; Sinh-môi trường; CNSH, Sư phạm Sinh	Vi sinh vật học; Sinh học; CNSH; Di truyền; Hóa sinh học.
24.	Di truyền học	Sinh học; Sinh-môi trường; Công nghệ sinh học, Sư phạm Sinh	Di truyền; Vi sinh vật học; Sinh học; CNSH; Hóa sinh học
25.	Công nghệ sinh học	Sinh học; Sinh-môi trường; Công nghệ sinh học, Sư phạm Sinh; Khoa học cây trồng	Công nghệ sinh học; Di truyền học; Vi sinh vật học; Sinh học; Hóa sinh học;

Stt	Ngành dự thi tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ
26.	Địa chất học	***Ngành đúng*:** Địa chất học, Kỹ thuật địa chất ***Ngành gần*:** Địa kỹ thuật, Địa môi trường, Địa chất dầu khí, Địa vật lý, Vật lý địa cầu, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài nguyên khoáng sản, Kỹ thuật dầu khí, Khoa học Trái đất, GIS và viễn thám.	***Ngành đúng*:** Địa chất học, Kỹ thuật địa chất ***Ngành gần*:** Địa kỹ thuật, Địa môi trường, Địa chất dầu khí, Địa vật lý, Vật lý địa cầu, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài nguyên khoáng sản, Kỹ thuật dầu khí, Khoa học Trái đất, GIS và viễn thám.
27.	Môi trường đất và nước	Môi trường; Kỹ thuật Môi trường; Quản lý môi trường	Khoa học môi trường; Kỹ thuật Môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường
28.	Quản lý tài nguyên và môi trường	Môi trường, Kỹ thuật Môi trường, Quản lý môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường; Kỹ thuật Môi trường

Phụ lục 3. Danh mục ngành gần, ngành khác

DANH MỤC NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC TƯƠNG THÍCH TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Stt	Ngành dự thi tiến sĩ	Ngành TN ĐH, Thạc sĩ	Môn học BTKT
1.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Toán ứng dụng; những ngành khác thì xem xét từng trường hợp	Tùy trường hợp cụ thể Khoa sẽ đề xuất môn bổ túc kiến thức
2.	Toán giải tích	Toán ứng dụng; những ngành khác thì xem xét từng trường hợp	Tùy trường hợp cụ thể Khoa sẽ đề xuất môn bổ túc kiến thức
3.	Đại số và lý thuyết số	Xét theo từng trường hợp	Tùy trường hợp cụ thể Khoa sẽ đề xuất môn bổ túc kiến thức
4.	Cơ sở toán cho tin học	Xét theo từng trường hợp	Tùy trường hợp cụ thể Khoa sẽ đề xuất môn bổ túc kiến thức
5.	Toán ứng dụng	Xét theo từng trường hợp	Tùy trường hợp cụ thể Khoa sẽ đề xuất môn bổ túc kiến thức
6.	Trí tuệ nhân tạo	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử; Toán và thống kê, Toán học; Toán giải tích; Đại số và lý thuyết số; Hình học và tôpô; Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Cơ sở toán học cho tin học; Toán ứng dụng	1. Nhập môn học máy 2. Trí tuệ nhân tạo 3. Khai thác dữ liệu 4. Xử lý ngôn ngữ tự nhiên
7.	Quang học	Kỹ thuật Y tế	1/ VL Laser và quang phổ laser 2/ Quang phổ ứng dụng 3/ Kỹ thuật phân tích vật liệu rắn 4/ Vật lý tinh thể
8.	Vật lý chất rắn	Kỹ thuật điện tử- Viễn thông máy tính	1/ Vật lý tinh thể 2/ Thiết bị quang điện 3/ Một số PPNC cấu trúc tinh thể và cấu trúc vùng năng lượng của CR 4/ Công nghệ chế tạo màng mỏng 5/ Vật liệu thông minh & ứng dụng
9.	Vật lý địa cầu	Vật lý kỹ thuật	1/ Thăm dò điện 2/ Thăm dò địa chấn 3/ Phương pháp điện từ
10.	Vật lý địa cầu	Địa chất học Kỹ thuật dầu khí	1/ VL Địa cầu môi trường 2/ VLĐC ứng dụng
11.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý nguyên tử hạt nhân & năng lượng cao	1/ Cơ sở VL cho VLLT 2/ Lý thuyết trường lượng tử 3/ Lý thuyết trường hấp dẫn 4/ Lý thuyết chất rắn 5/ Lý thuyết hệ nhiều hạt 6/ Môn tự chọn (3TC)
12.	Vật lý kỹ thuật	Cơ điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Cơ học; Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ điện tử; Khoa học tính toán; Hóa học; Kỹ thuật hoá học; Hoá vô cơ; Hoá lí thuyết và hoá lí..	Chọn học bổ sung 10 tín chỉ thuộc chương trình đào tạo cao học của ngành Vật lý kỹ thuật, Vật lý vô tuyến và điện tử, Quang học

Stt	Ngành dự thi tiến sĩ	Ngành TN ĐH, Thạc sĩ	Môn học BTKT
13.	Hoá hữu cơ	Hóa Vô cơ; Hóa lý & Hóa lý thuyết; Khoa học & Công nghệ thực phẩm; Công nghệ thực phẩm & đồ uống; Công nghệ sinh học; Sinh học; Sinh hóa; Khoa học vật liệu; Vật liệu y sinh; Môi trường; Khoa học môi trường; Công nghệ môi trường; Y học cổ truyền	1. Hóa học các hợp chất thiên nhiên nâng cao 2. Tổng hợp hữu cơ nâng cao 3. Các phương pháp phân tích cấu trúc hợp chất hữu cơ nâng cao
14.	Hoá lý thuyết và hoá lý	Hoá phân tích	1. Hóa xúc tác nâng cao và ứng dụng 2. Kỹ thuật điện hóa và ứng dụng 3. Thực hành phân tích dụng cụ 1
15.	Hoá lý thuyết và hoá lý	Hóa Vô cơ; Hóa hữu cơ; Công nghệ thực phẩm; Khoa học môi trường; Vật liệu và linh kiện nano; Khoa học vật liệu; Kỹ thuật vật liệu	1. Hóa xúc tác nâng cao và ứng dụng 2. Kỹ thuật điện hóa và ứng dụng 3. Tổng hợp polyme nâng cao
16.	Hoá lý thuyết và hoá lý	Công nghệ sinh học, sinh học,	1. Hóa xúc tác nâng cao và ứng dụng 2. Kỹ thuật điện hóa và ứng dụng 3. Tổng hợp polyme nâng cao 4. Các phương pháp phân tích tính chất hóa lý vật liệu
17.	Hóa phân tích	Khoa học & Công nghệ thực phẩm, Công nghệ thực phẩm & đồ uống, Khoa học môi trường, Môi trường, CNSH, sinh học, khoa học vật liệu.	1. Các phương pháp phân tích sắc ký và ứng dụng 2. Các phương pháp phân tích quang nguyên 3. Phương pháp xử lý thống kê và ứng dụng
18.	Công nghệ sinh học	Kỹ thuật môi trường	BTKT các môn cơ sở và chuyên ngành của bậc thạc sĩ ngành CNSH (PT2)
19.	Công nghệ sinh học	Dược học; Dược lý và Dược lâm sàng; Chấn thương chỉnh hình	1/ Sinh học phân tử tế bào 2/ Miễn dịch học phân tử và tế bào nâng cao 3/ Các vấn đề hiện đại trong CNSH 4/ Công nghệ y sinh học tái tạo 5/ Sinh học ung thư
20.	Công nghệ sinh học	Thực vật học;Sinh học thực nghiệm	1/ Phương pháp luận NCKH 2/ Sinh học phân tử tế bào 3/ Miễn dịch học phân tử & TB nâng cao 4/ Các vấn đề hiện đại trong CNSH
21.	Di truyền học	Y khoa	Sinh học phân tử đại cương
22.	Sinh thái học	Kỹ thuật môi trường	1/ Sinh học bảo tồn 2/ Hệ sinh thái đất ngập nước 3/ Thực tập chuyên đề 4/ Môn tự chọn

Stt	Ngành dự thi tiến sĩ	Ngành TN ĐH, Thạc sĩ	Môn học BTKT
23.	Vi sinh vật học	Sinh học thực nghiệm	1/ Phương pháp NCKH 2/ Sinh học tế bào 3/ Sinh học phân tử Eukaryote 4/ Di truyền học vi sinh vật 5/ Biến dưỡng năng lượng và vật chất ở vi sinh vật 6/ Thực tập chuyên ngành vi sinh
24.	Vi sinh vật học	Sinh lý động vật	Học bổ sung khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của ctrinh ThS
25.	Sinh lý học người và động vật	Vi sinh vật học	1/ Nội tiết học 2/ Sinh lý dinh dưỡng 3/ Sinh lý sinh hoá các quá trình trong cơ thể
26.	Sinh lý học người và động vật	Y Khoa	1/ Y sinh học tái tạo 2/ Chuẩn đoán phân từ
27.	Hoá sinh học	Công nghệ thực phẩm & đồ uống; Hóa học; Sinh lý thực vật; Sinh thái môi trường	1/ Thu nhận và ứng dụng các hợp chất có hoạt tính sinh học 2/ Enzyme học nâng cao
28.	Hoá sinh học	Dược lý - Dược lâm sàng	1/ Kỹ thuật sinh hoá (chọn 1 trong 2: lý thuyết hoặc thực tập) 2/ Enzyme học nâng cao
29.	Hoá sinh học	Y học cổ truyền	1/ Kỹ thuật sinh hoá (chọn 1 trong 2: lý thuyết hoặc thực tập) 2/ Enzyme học nâng cao 3/ Công nghệ sinh hoá học
30.	Quản lý tài nguyên và môi trường	Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Sinh thái học; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên rừng; Bản đồ, viễn thám và hệ thống thông tin địa lý; Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ; Địa lý tự nhiên; Địa lý tài nguyên và môi trường; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững; Đô thị học; Quản lý đô thị; Kỹ thuật tài nguyên nước; kỹ thuật cấp nước.	1/ Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường 2/ Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường 3/ GIS và Viễn thám ứng dụng trong QLTN & MT
31.	Môi trường đất và nước	Hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học; Sinh học, Công nghệ sinh học; Khoa học về trái đất; Địa chất học, Địa lý, Khí tượng thủy văn, Địa vật lý; Hải dương học, Lâm nghiệp; Nông nghiệp; Đô thị học, Cấp thoát nước; Kỹ thuật trắc địa, Bản đồ	1/ Khoa học môi trường 2/ Hoá môi trường 3/ Chuyên đề kiến thức nâng cao

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH VÀ HƯỚNG NGHÊN CỨU

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo		
1	TS. Bùi Tiến Lên	Khoa học máy tính (Sinh trắc học)	btlen@fit.hcmus.edu.vn
2	TS. Bùi Xuân Bình Minh	Khoa học máy tính (Thuật toán & đồ thị)	buixuan@lip6.fr
3	TS. Châu Thành Đức	Khoa học máy tính (Xử lý tín hiệu âm thanh)	ctduc@fit.hcmus.edu.vn
4	TS. Đinh Bá Tiến	Khoa học máy tính (Tối ưu hóa)	dbtien@fit.hcmus.edu.vn
5	PGS.TS. Đinh Điền	Khoa học máy tính (Xử lý ngôn ngữ tự nhiên)	ddien@fit.hcmus.edu.vn
6	PGS.TS. Dương Anh Đức	Khoa học máy tính (Xử lý ảnh, bảo mật)	daduc@fit.hcmus.edu.vn
7	PGS.TS. Hồ Bảo Quốc	Hệ thống thông tin (Tìm kiếm thông tin và Khai thác văn bản)	hbquoc@fit.hcmus.edu.vn
8	TS. Hoàng Dương Tuấn	Khoa học máy tính (Trí tuệ nhân tạo)	
9	TS. Lâm Quang Vũ	Công nghệ phần mềm / Khoa học máy tính (Xử lý ảnh, Trí tuệ nhân tạo)	lqvu@@fit.hcmus.edu.vn
10	GS.TS. Lê Hoài Bắc	Khoa học máy tính (Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu)	lhbac@fit.hcmus.edu.vn
11	Lê Hoàng Thái	Khoa học máy tính (Sinh trắc học)	lhthai@fit.hcmus.edu.vn
12	TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	Hệ thống thông tin (Khai thác văn bản)	lnhnam@fit.hcmus.edu.vn
13	TS. Lê Thị Nhàn	Hệ thống thông tin (Khai thác dữ liệu)	ltnhan@fit.hcmus.edu.vn
14	TS. Lý Quốc Ngọc	Khoa học máy tính (Thị giác máy tính)	lqngoc@fit.hcmus.edu.vn
15	TS. MASAYUKI FUKUZAWA	Khoa học máy tính (Xử lý ảnh, thị giác máy tính)	
16	TS. Ngô Huy Biên	Công nghệ phần mềm, Thị giác máy tính và Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	nhbien@fit.hcmus.edu.vn
17	TS. Ngô Minh Nhựt	Khoa học máy tính (Xử lý tín hiệu âm thanh và tiếng nói)	nmnhut@fit.hcmus.edu.vn
18	PGS.TS. Nguyễn Đình Thúc	Khoa học máy tính (Mật mã học và An ninh thông tin)	ndthuc@fit.hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
19	TS. Nguyễn Đức Hoàng Hạ	Khoa học máy tính (Hệ thống nhúng và IoT)	ndhha@fit.hcmus.edu.vn
20	TS. Nguyễn Hải Minh	Khoa học máy tính	nhminh@fit.hcmus.edu.vn
21	TS. Nguyễn Hải Quân	Khoa học máy tính (Phân tích dữ liệu)	nhquan@fit.hcmus.edu.vn
22	TS. Nguyễn Ngọc Thảo	Khoa học máy tính (Thị giác máy tính và Khai thác dữ liệu)	nnthao@fit.hcmus.edu.vn
23	TS. Nguyễn Thanh Phương	Khoa học máy tính	ntphuong@fit.hcmus.edu.vn
24	TS. Nguyễn Thị Minh Tuyền	Công nghệ phần mềm (Kiểm chứng phần mềm)	ntmtuyen@fit.hcmus.edu.vn
25	TS. Nguyễn Trần Minh Thư	Hệ thống thông tin (Dịch vụ thông minh)	ntmthu@fit.hcmus.edu.vn
26	TS. Nguyễn Trường Sơn	Hệ thống thông tin (Xử lý ngôn ngữ tự nhiên)	ntson@fit.hcmus.edu.vn
27	TS. Nguyễn Văn Vũ	Công nghệ phần mềm/Khoa học máy tính (Ước lượng phần mềm, kiểm thử tự động, khai thác dữ liệu lớn)	nvu@fit.hcmus.edu.vn
28	TS. Phạm Nguyễn Cương	Hệ thống thông tin (Dịch vụ thông minh)	pncuong@fit.hcmus.edu.vn
29	TS. Phạm Thị Bạch Huệ	Hệ thống thông tin (Bảo mật dữ liệu)	ptbhue@fit.hcmus.edu.vn
30	TS. Thái Lê Vinh	Hệ thống thông tin (Dịch vụ thông minh)	tlvinh@fit.hcmus.edu.vn
31	PGS.TS. Trần Đan Thư	Công nghệ phần mềm / Khoa học máy tính	tdthu@fit.hcmus.edu.vn
32	PGS.TS. Trần Minh Triết	Kỹ thuật phần mềm / Khoa học máy tính (Môi trường thông minh và Đa phương tiện)	tmtriet@fit.hcmus.edu.vn
33	TS. Trần Thái Sơn	Khoa học máy tính (Máy học, thị giác máy tính)	ttson@fit.hcmus.edu.vn
34	TS. Trần Trung Dũng	Khoa học máy tính (Mạng máy tính)	ttdung@fit.hcmus.edu.vn
35	PGS.TS. Vũ Hải Quân	Khoa học máy tính (Trí tuệ nhân tạo, xử lý ngôn ngữ tự nhiên)	vhquan@fit.hcmus.edu.vn
36	TS. Bùi Văn Thạch	Khoa học máy tính (An toàn thông tin)	bvthach@fit.hcmus.edu.vn
37	TS. Vũ Thị Minh Hằng	Khoa học máy tính	vtmhang@fit.hcmus.edu.vn
	Toán giải tích		
1	PGS.TS. Lý Kim Hà	Giải tích phức	lkha@hcmus.edu.vn
2	TS. Ông Thanh Hải	Giải tích số	othai@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
3	TS. Nguyễn Thị Thu Vân	Thuật toán tối ưu	nttvan@hcmus.edu.vn
4	TS. Lê Ánh Hạ	Giải tích số	laha@hcmus.edu.vn
5	TS. Bùi Lê Trọng Thanh	Phương trình đạo hàm riêng	bltthanh@hcmus.edu.vn
6	TS. Nguyễn Thị Hoài Thương	Giải tích số	ngththuong@hcmus.edu.vn
	Đại số và lí thuyết số		
1	GS.TS. Bùi Xuân Hải	Lý thuyết vành và nhóm	bxhai@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Mai Hoàng Biên	Lý thuyết vành và nhóm	mhbien@hcmus.edu.vn
3	TS. Trần Ngọc Hội	Lý thuyết vành và nhóm	tnhoi@hcmus.edu.vn
4	TS. Nguyễn Văn Thìn	Lý thuyết vành và nhóm	ngvthin@hcmus.edu.vn
5	TS. Nguyễn Kim Ngọc	Lý thuyết vành và nhóm	nkngoc@hcmus.edu.vn
6	TS. Nguyễn Khánh Tùng	Lý thuyết mô-đun	nktung@hcmus.edu.vn
7	TS. Bùi Anh Tuấn	Đại số tính toán	batuan@hcmus.edu.vn
8	TS. Nguyễn Anh Thi	Đại số tính toán	nathi@hcmus.edu.vn
9	TS. Lê Văn Luyện	Mật mã	lvluyen@hcmus.edu.vn
10	TS. Trịnh Thanh Đèo	Đại số đồ thị	ttdeo@hcmus.edu.vn
	Lý thuyết xác suất và Thống kê toán học		
1	GS.TS. Đặng Đức Trọng	Phương trình đạo hàm riêng, Thống kê phi tham số, Thống kê ứng dụng	ddtrong@hcmus.edu.vn
2	TS. Hoàng Văn Hà	Thống kê phi tham số, Thống kê ứng dụng	hvha@hcmus.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Mộng Ngọc	Thống kê phi tham số, Thống kê ứng dụng	ngtmngoc@hcmus.edu.vn
4	TS. Lê Thị Xuân Mai	Thống kê phi tham số, Thống kê ứng dụng	ltxmai@hcmus.edu.vn
	Toán ứng dụng		
1	PGS.TS. Đinh Ngọc Thanh	Thống kê trong sinh học	dnthanh@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Nguyễn Lê Hoàng Anh	Lý thuyết tối ưu	nlhanh@hcmus.edu.vn
3	TS. Võ Sĩ Trọng Long	Lý thuyết tối ưu	vstlong@hcmus.edu.vn
4	TS. Trịnh Anh Ngọc	Cơ học	tangoc@hcmus.edu.vn
5	TS. Vũ Đỗ Huy Cường	Cơ học	vdhcuong@hcmus.edu.vn
6	TS. Bùi Xuân Thắng	Cơ học	bxthang@hcmus.edu.vn
7	TS. Tạ Thị Nguyệt Nga	Toán tử dưới vi phân	ttnnga@hcmus.edu.vn
	Cơ sở toán học cho tin học		
1	TS. Nguyễn Thanh Bình	Máy học	ngtbinh@hcmus.edu.vn
2	TS. Trần Anh Tuấn	Thị giác máy tính	tratuan@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		
1	TS. Võ Quốc Phong	Chuyển pha điện yếu và sóng hấp dẫn	vqphong@hcmus.edu.vn
2	TS. Lê Đức Ninh	Vật lý năng lượng cao	leducninh@gmail.com
	Quang học		
1	PGS.TS. Trần Cao Vinh	Vật liệu nano bán dẫn, photonics	tcvinh@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Vũ Thị Hạnh Thu	Vật liệu nano bán dẫn, photonics, quang xúc tác	vththu@hcmus.edu.vn
3	TS. Lê Trấn	Vật liệu nano bán dẫn, photonics	ltran@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS. Lê Vũ Tuấn Hùng	Vật liệu nano bán dẫn, photonics, quang phổ ứng dụng	lvthung@hcmus.edu.vn
5	PGS.TS. Lâm Quang Vinh	Vật liệu nano bán dẫn, photonics	lqvinh@vnuhcm.edu.vn
6	PGS.TS. Phan Bách Thắng	Nghiên cứu về vật liệu (màng mỏng, khối) và linh kiện Nhiệt Điện (chuyển đổi giữa Nhiệt và Điện)	pbthang@inomar.edu.vn
	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		
1	GS.TS. Châu Văn Tạo	Lý thuyết hạt nhân	cvtao@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Trần Thiện Thanh	Kỹ thuật hạt nhân	ttthanh@hcmus.edu.vn
3	TS. Hoàng Thị Kiều Trang	Ứng dụng hạt nhân (Nông Sinh Y)	htktrang@hcmus.edu.vn
	Vật lý chất rắn		
1	PGS.TS. Trần Quang Trung	Vật lý bán dẫn, vật liệu	tqtrung@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Phan Bách Thắng	Nghiên cứu về vật liệu (màng mỏng, khối) và linh kiện Nhiệt Điện (chuyển đổi giữa Nhiệt và Điện)	pbthang@inomar.edu.vn
	Vật lý địa cầu		
1	PGS.TS. Võ Lương Hồng Phước	Mô hình thủy động lực vùng rừng ngập mặn; Động lực học vùng ven bờ và cửa sông	vlhphuoc@hcmus.edu.vn
2	TS. Lê Ánh Hạ	Mô hình thủy động lực vùng sông và vùng ven bờ; Dùng thể tích hữu hạn cho bài toán sóng nước nông và vận chuyển chất	laha@hcmus.edu.vn
3	TS. Lê Văn Anh Cường	Địa vật lý thăm dò	lvacuong@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Vật lý kỹ thuật		
1	PGS.TS. Huỳnh Văn Tuấn	Ứng dụng thuật toán học máy và học sâu trong xử lý tín hiệu	hvtuan@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Đặng Văn Liệt	Xử lý ảnh	dangvanliet@gmail.com
3	PGS.TS. Trần Duy Tập	Vật liệu năng lượng tái tạo	tdtap@hcmus.edu.vn
4	TS. Nguyễn Chí Nhân	AIoT	ncnhan@hcmus.edu.vn
5	TS. Đỗ Đức Cường	Từ học và vật liệu từ	ddcuong@hcmus.edu.vn
6	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu	MEMS và kỹ thuật điện tử y sinh	nvhieu@hcmus.edu.vn
	Vật lý vô tuyến và điện tử		
1	TS. Bùi Trọng Tú	Mạch và hệ thống tích hợp thông minh	bttu@fit.hcmus.edu.vn
2	TS. Lê Đức Hùng	Hệ thống nhận dạng tốc độ nhanh hướng ASIC	ldhung@fit.hcmus.edu.vn
	Hóa hữu cơ		
1	PGS.TS. Nguyễn Trung Nhân	Hợp chất thiên nhiên và Hóa Dược	ntnhan@hcmus.edu.vn
2	GS.TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Hợp chất thiên nhiên và Hóa Dược	nttmai@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Tôn Thất Quang	Hợp chất thiên nhiên và Hóa Dược	nttmai@hcmus.edu.vn
4	TS. Nguyễn Thị Thảo Trân	Tổng hợp hữu cơ, Tinh dầu	ntttran@hcmus.edu.vn
5	PGS.TS. Trần Hoàng Phương	Tổng hợp hữu cơ	thphuong@hcmus.edu.vn
	Hóa lý thuyết và hóa lý		
1	PGS. TS Nguyễn Thái Hoàng	Vật liệu chuyển hóa năng lượng và xử lý môi trường	nthoang@hcmus.edu.vn
2	TS Huỳnh Lê Thanh Nguyên	Vật liệu lưu trữ và và chuyển hóa năng lượng	hltnguyen@hcmus.edu.vn
3	TS. Cổ Thanh Thiện	Xúc tác nano trong xử lý môi trường	ctthien@hcmus.edu.vn
	Sinh lý học thực vật		
1	PGS.TS. Trần Thanh Hương	Dinh dưỡng thực vật; Sự tăng trưởng và phát triển của thực vật; Sinh lý vi tảo và ứng dụng; PP nuôi cấy mô tế bào thực vật	trthuong@hcmus.edu.vn
2	TS. Trần Thị Thanh Hiền	Dinh dưỡng thực vật; Sự tăng trưởng và phát triển của thực vật	ttthien@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Nguyễn Du Sanh	Biến dưỡng thực vật	ndsanh@hcmus.edu.vn
4	TS. Đỗ Thường Kiệt	Biến dưỡng thực vật; Sự tăng trưởng và phát triển của thực vật	dtkiet@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Sinh lý học người và động vật		
1	PGS.TS. Nguyễn Thị Huệ	Sinh lý và di truyền trong ung thư	nthue@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Phạm Văn Phúc	Sinh lý và di truyền trong ung thư; Công nghệ tế bào gốc, vật liệu y sinh và y sinh học tái tạo	pvphuc@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Trương Hải Nhung	Công nghệ tế bào gốc, vật liệu y sinh và y sinh học tái tạo	thnhung@hcmus.edu.vn
4	TS. Đặng Thị Tùng Loan	Công nghệ tế bào gốc, vật liệu y sinh và y sinh học tái tạo	dttloan@hcmus.edu.vn
	Vi sinh vật học		
1	PGS.TS. Phan Thị Phượng Trang	Vi sinh vật trong nông nghiệp và đề kháng kháng sinh của vi sinh vật gây bệnh trong y học	ptptrang@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Nguyễn Đức Hoàng	Phân tích di truyền bộ gen của vi khuẩn gây bệnh trên cá tra, biểu hiện protein tái tổ hợp và ứng dụng trong phát triển vaccine và y dược	ndhoang@hcmus.edu.vn
	Hóa sinh học		
1	PGS.TS. Ngô Đại Nghiệp	Nghiên cứu cơ chế và ứng dụng các hợp chất có hoạt tính sinh học (tách chiết từ nguồn vi sinh, thực vật) và tổng hợp	ndnghiep@hcmus.edu.vn
2	TS. Nguyễn Dương Tâm Anh	Sản xuất khí sinh học từ bùn của nhà máy xử lý nước thải đô thị	ndtanh@hcmus.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Hồng Thương	Rà soát, phân lập và xác định chức năng của các gene mới liên quan đến quá trình sinh tổng hợp các hợp chất thứ cấp ở thực vật và vi sinh vật.	nththuong@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS. Quách Ngô Diễm Phương	Sinh hóa thực vật	qndphuong@hcmus.edu.vn
5	PGS.TS. Trần Văn Hiếu	Nghiên cứu chiết xuất dầu từ puree bơ đồng thời bằng enzyme với lên men vi sinh vật và thử đánh giá một số hoạt tính sinh học.	tvhieu@hcmus.edu.vn
	Sinh thái học		
1	PGS.TS. Hoàng Đức Huy	Nguồn gen, sinh thái và tiến hóa động vật (côn trùng, cá, lưỡng cư bò sát) và các dịch vụ sinh thái liên quan ở Việt Nam.	hdhuy@hcmus.edu.vn
2	TS. NguyễnThị Lan Thi	Sinh học, sinh thái học và quản trị thực vật ngoại lai xâm lấn	ntlthi@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
3	TS. Nguyễn Thị Kim Dung	Hệ sinh thái đất ngập nước và an ninh nguồn nước; Các dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước; Quản trị tài nguyên thiên nhiên và phát triển sinh kế bền vững	ntkdung@hcmus.edu.vn
	Di truyền học		
1	TS. Nguyễn Hoàng Chương	Di truyền người: nghiên cứu cơ bản và ứng dụng	nhchuong@hcmus.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thụy Vy	Di truyền vi sinh vật: nghiên cứu cơ bản và ứng dụng	ntvy@hcmus.edu.vn
	Công nghệ sinh học		
1	PGS.TS. Trần Văn Hiếu	Nghiên cứu cảm biến sinh học phát hiện VSV gây bệnh; Nghiên cứu tạo kit phát hiện nhanh bệnh ở thủy, hải sản; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bề mặt tế bào vi khuẩn Lactobacillus trong phòng bệnh cho người	tvhieu@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Đặng Thị Phương Thảo TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bề mặt tế bào nấm men trong phát triển các sản phẩm phục vụ nông nghiệp, thực phẩm và nuôi trồng thủy sản	dtpthao@hcmus.edu.vn ntmtrinh@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Đặng Thị Phương Thảo TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Nghiên cứu thiết lập cơ sở dữ liệu cây thuốc dân gian tại Việt Nam và phân tích hoạt tính sinh học của các cây thuốc tiềm năng	dtpthao@hcmus.edu.vn ntmtrinh@hcmus.edu.vn
	Địa chất học		
1	PGS. TS. Phạm Trung Hiếu	Kiến tạo và sinh khoáng; địa hóa đồng vị	pthieu@hcmus.edu.vn
2	TS. Nguyễn Kim Hoàng	Sinh khoáng học	nkhoang@hcmus.edu.vn
3	TS. Lê Đức Phúc	Thạch luận magma và biến chất	ldphuc@hcmus.edu.vn
4	TS. Nguyễn Đình Thanh	Tai biến địa chất, địa chất môi trường, biến đổi khí hậu	ngdthanh@hcmus.edu.vn
5	TS. Đỗ Văn Lĩnh	Tai biến địa chất, kiến tạo hiện đại	dovalinh@gmail.com
6	PGS. TS. Hoàng Thị Thanh Thủy	Địa môi trường	httthuy@hcmunre.edu.vn
7	TS. Trần Mỹ Dũng	Kiến tạo và sinh khoáng; địa chất các mỏ khoáng kim loại.	tmd.humg@gmail.com
8	TS. Bùi Thị Luận	Địa chất dầu khí	btluan@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Môi trường đất và nước		
1	TS. Nguyễn Ái Lê	Vi sinh môi trường	nale@hcmus.edu.vn
2	TS. Trần Thị Thu Dung	Hóa môi trường, Hành vi các nguyên tố trong môi trường	tttdung@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Hà Quang Hải	Địa chất môi trường	hqhai@hcmus.edu.vn
4	TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ	Hóa môi trường	ntthue@hcmus.edu.vn
5	PGS.TS. Vũ Văn Nghị	Thủy lợi, thủy văn, tài nguyên nước	vvnghi@hcmus.edu.vn
6	TS. Lê Tự Thành	Hóa môi trường, vật liệu môi trường, nhiên liệu sinh học	letuthanh@hcmus.edu.vn
7	TS. Trương Thị Cẩm Trang	Vật liệu sinh học xử lý môi trường	ttctrang@hcmus.edu.vn
8	TS. Phan Như Nguyệt	Hóa môi trường, vật liệu xử lý môi trường	pnnguyet@hcmus.edu.vn
	Quản lý tài nguyên và môi trường		
1	PGS.TS. Trương Thanh Cảnh	Quản lý, khai thác sử dụng hợp lý và bền vững tài nguyên thiên nhiên; Quản lý môi trường đô thị và công nghiệp; Các công cụ trong quản lý tài nguyên và môi trường.	ttcanh@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Tô Thị Hiền	Hóa học môi trường; Ô nhiễm vi nhựa; Khoa học về không khí và ô nhiễm không khí; Ô nhiễm môi trường và sức khỏe môi trường	tohien@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Đào Nguyên Khôi	Quản lý tài nguyên nước; biến đổi khí hậu; mô hình hóa môi trường	dnkhoi@hcmus.edu.vn
4	TS. Bùi Việt Hưng	Quản lý và kỹ thuật tài nguyên nước; Biến đổi khí hậu và nước biển dâng; mô hình thủy lực-thủy văn	bvhung@hcmus.edu.vn
5	TS. Trần Tuấn Tú	GIS và viễn thám ứng dụng; địa chất môi trường	tttu@hcmus.edu.vn
6	TS. Lê Hoàng Anh	Quản lý môi trường trong doanh nghiệp; đánh giá rủi ro môi trường	lhanh@hcmus.edu.vn
7	TS. Trần Bích Châu	Hóa học môi trường, quản lý môi trường	tbchau@hcmus.edu.vn
8	TS. Nguyễn Bích Ngọc	Hóa phân tích môi trường; các tiêu chuẩn môi trường quốc tế	nbngoc@hcmus.edu.vn
9	TS. Trần Thị Mai Phương	Độc học môi trường	ttmphuong@hcmus.edu.vn
10	TS. Nguyễn Thị Huỳnh Trâm	Mô hình hóa, Xử lý số liệu môi trường, Trí tuệ nhân tạo	nthtram@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
11	TS. Lê Ngọc Tuấn	Quản lý chất thải rắn; Quản lý môi trường nước mặt; Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp; Biến đổi khí hậu; Truyền thông môi trường	lntuan@hcmus.edu.vn
12	TS. Nguyễn Thị Thụy Hằng	Quản lý tài nguyên nước; mô hình hóa môi trường; tối ưu hóa	ntthang@hcmus.edu.vn
13	TS. Nguyễn Lý Sỹ Phú	Ô nhiễm không khí; trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu môi trường	nlsphu@hcmus.edu.vn

Phụ lục 5. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ

YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐẦU VÀO ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào trình độ tiến sĩ:

a) Chứng chỉ còn thời hạn 02 năm tính từ ngày thi chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển NCS và đạt tối thiểu trình độ B2 theo CEFR. Gồm các chứng chỉ sau:

Stt	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Điểm tối thiểu tương đương B2
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	46
2		IELTS	5.5
3		TOEIC (L-R) và TOEIC (S-W)	Nghe: 400; Đọc: 385 Nói: 160; Viết: 150
4		Cambridge Assessment English	B2 First B2 Business Vantage Linguaskill. Thang điểm : 160
5	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF 400 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
6	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN4)
7	Tiếng Trung	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Level 4
8	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	JLPT N3
9	Tiếng Nga	ТРКИ- Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2
10	Tiếng Hàn	TOPIK	TOPIK Level 4

b) Chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn 02 năm tính từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh và đạt tối thiểu bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam của các cơ sở đào tạo được Bộ GDĐT công nhận, Cụ thể chỉ áp dụng chứng chỉ do các cơ sở đào tạo dưới đây cấp:

- Khu vực phía Bắc gồm các trường: Đại học Ngoại ngữ (ĐHQG-HN), Đại học Thái Nguyên, Đại học Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Học viện An ninh Nhân dân; Học viện Báo chí Tuyên truyền.
- Khu vực miền Trung gồm các trường: Đại học Ngoại ngữ (Đại học Huế), Đại học Ngoại ngữ (Đại học Đà Nẵng), Đại học Vinh, Đại học Quy Nhơn, Đại học Tây Nguyên.
- Khu vực phía Nam gồm các trường: Đại học Sư phạm TP.HCM, Đại học Cần Thơ, Đại học Sài Gòn, Đại học Ngân hàng TP.HCM, Đại học Trà Vinh, Đại học Văn Lang; Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM; Đại học Công Nghiệp TP.HCM; Đại học KHXH&NV(ĐHQG-HCM).

2. Văn bằng ngoại ngữ xét đầu vào trình độ tiến sĩ

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam có một trong những minh chứng sau:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/đồ án/khóa luận) được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (*là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định ngoại ngữ của CSĐT (nếu có). Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.